TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Kim Tân.
2. Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2018/QĐST-DS ngày 16/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh ĐN.
- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm: 1977.
Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh ĐN.
- *Người làm chứng*:
Chị Lê Thị N, sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh ĐN.

(Anh R có mặt; anh Đ, chị H, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Ngọc Đ trình bày: Ngày 10/12/2016, anh có cho vợ chồng anh Phạm Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị Thu H vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, không thỏa thuận lãi suất, hai bên có viết giấy vay tiền.

Sau khi anh Đ, chị H bán nhà cho anh, thì khoảng tháng 12/2016 anh Đ, chị H vay của anh số tiền 20.000.000 đồng, nhưng không viết giấy vay nợ, không thỏa thuận lãi suất, có bà Lê Thị N chứng kiến.

Như vậy, tổng số tiền anh Đ, chị H vay của anh là 120.000.000 đồng. Do không thỏa thuận lãi suất, nên trong suốt thời gian 12 tháng anh Đ, chị H hoàn toàn không thanh toán tiền lãi. Nay anh yêu cầu anh Đ, chị H trả cho anh số tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/12/2017 đến nay theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình làm việc, bị đơn anh Phạm Ngọc Đ trình bày: Anh có vay của anh R số tiền 370.000.000 đồng, không khả năng chi trả là đóng lãi, nên anh R đã lấy nhà của anh. Anh yêu cầu anh R trả lại nhà cho vợ chồng anh và mỗi tháng anh trả cho anh R 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: ngày 10/5/2016 vợ chồng anh chị có vay của anh R số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, trong đó vay của mẹ anh R 250.000.000 đồng, vay của anh R 100.000.000 đồng. Đã trả lãi hơn nữa năm, do chị bị bệnh hiểm nghèo không trả lãi nỗi, nên anh R đã lấy nhà của chị ngày 22/12/2016. Riêng đối với số tiền 20.000.000 đồng chị không biết. Anh R yêu cầu vợ chồng anh chị trả số tiền 120.000.000 đồng, chị không đồng ý, vì anh R đã lấy nhà trừ nợ.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh R, buộc vợ chồng anh Đ, chị H phải trả cho anh R số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/12/2017 cho đến nay theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Ngọc Đ đã được triệu tập hợn lệ đếnlần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ, chị H là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn R yêu cầu vợ chồng anh Phạm Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị Thu H trả tiền vay nợ năm 2016. Do đó, quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đ và chị H cư trú tại khu phố x, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh ĐN, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 10/12/2016 anh Đ, chị H vay tiền của anh R với thời hạn 12 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 10/12/2017. Ngày 12/12/2017 anh R có đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về tư cách tố tụng: Anh R có đơn khởi anh Đ và chị H, nên anh R là nguyên đơn, anh Đ và chị H là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự,

[6] Nội dung yêu cầu:

Anh R cho rằng vợ chồng anh Đ, chị H vay của anh lần đầu với số tiền 20.000.000 đồng, nhưng không viết giấy tờ vay mà có sự chứng kiến của chị Lê Thị H. Sau đó, ngày 10/12/2016 anh Đ, chị H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, có viết giấy vay nợ, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Nay đến hạn, vợ chồng anh Đ, chị H không trả tiền vay, do đó anh yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H trả cho anh số tiền gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 10/12/2017 đến ngày xét xử.

Anh Đ cho rằng có vay của anh R số tiền 370.000.000 đồng, còn chị H cho rằng có vay của anh R số tiền 100.000.000 đồng và mẹ anh R số tiền 250.000.000 đồng. Anh chị cho rằng do không có khả năng trả lãi, nên anh R đã lấy nhà để trừ nợ. Do đó, chị H không chấp nhận yêu cầu của anh R, riêng anh Đ yêu cầu anh R trả lại nhà và anh sẽ trả tiền hàng tháng cho anh R đến khi hết nợ.

Xét thấy, anh R cung cấp giấy vay tiền ngày 10/12/2016 với nội dung: vợ chồng anh Đ, chị H vay của anh R số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng. Hơn nữa, anh Đ, chị H cũng thừa nhận có vay tiền của anh R. Như vậy, lời trình bày của anh R đối với số tiền vay 100.000.000 đồng là có cơ sở. Đối với số tiền 20.000.000 đồng, bị đơn không thừa nhận và anh R không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Anh Đ, chị H cho rằng trả lãi cho anh R hơn nữa năm, nhưng anh R không thừa nhận và anh chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả lãi. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập để đối chất giữa các đương sự, nhưng anh Đ, chị H đã bỏ về không làm việc, nên không có sơ sở xác định anh chị có trả lãi cho anh Rin. Anh Đ yêu cầu anh Rn trả lại nhà cho vợ chồng anh, nhưng không làm thủ tục phản tố theo quy định, nên không xem xét giải quyết.

Khi đến hạn trả nợ, anh Đ, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Như vậy, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ, nên yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của anh R có cơ sở chấp nhận. Cụ thể tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ như sau: 100.000.000 đồng x 20%/12tháng x 50% x (10 tháng 21 ngày) = 8.881.000 đồng.

Do đó, buộc vợ chồng anh Đ, chị H trả cho anh R số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 8.881.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của anh R được chấp nhận, nên vợ chồng anh Đ, chị H phải nộp tiền án phí là 108.881.000 đòng x 5% = 5.444.000 đồng.

Anh R phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 68, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 429, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn R.

Buộc anh Phạm Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị Thu H thanh toán cho anh Nguyễn Văn R số tiền 108.881.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu tám trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Phạm Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 5.444.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn R phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008048 ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sụ huyện Xuân Lộc được khấu trừ tiền án phí phải nộp là 1.000.000 đồng. Hoàn trả số tiền chênh lệch cho anh R là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Anh R được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ, chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THA huyện Xuân Lộc;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thái